

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18/4/2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản và nợ chung khi
ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Như.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh

Bà Đoàn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Duy Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thương Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 384/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023, thông báo về việc chuyển ngày xét xử số 49/TB-TA ngày 20 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn K, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 46/8 đường P, tổ 5, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ liên hệ: Ban chỉ huy quận sự huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn có yêu cầu phản tố: Bà Phan Thị T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 46/8 đường Phan Đình P, tổ 5, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần C, địa chỉ: Số 108 đường T, phường C, Quận H, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị N, Trưởng phòng bán lẻ Ngân hàng Thương mại Cổ phần C - chi nhánh Quảng Ngãi, địa chỉ: Số 97 H, phường T, thành phố Quảng Ngãi (*Theo văn bản ủy quyền số 1212/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 29/9/2021 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Việt*)

2. Bà Lê Thị Th, sinh năm 1943, địa chỉ: Khu dân cư số 4, thôn B, xã T, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972, địa chỉ: Khu dân cư số 8, thôn B, xã T, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Bà Võ Thị H, sinh năm 1976, địa chỉ: Khu dân cư số 01, thôn P, xã Trà Phú, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1 Anh Nguyễn Quốc C, sinh năm 2002

2 Anh Nguyễn Quốc D, sinh ngày 09-01-2004

Cùng địa chỉ: 46/8 P, tổ 5, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

3. Ông Nguyễn Tấn Á, sinh năm 1968, địa chỉ: Khu dân cư số 8, thôn B, xã T, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 180, địa chỉ nơi làm việc: B, huyện ĐăkCƠ, tỉnh Gia Lai.

Người làm chứng:

1. Bà Lê Thị Th, sinh năm 1943, địa chỉ: Khu dân cư số 4, thôn B, xã T, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi;

2. Chị Phan Thị Ti, sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung đề ngày 17/6/2021, 19/11/2021 và các lời khai trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Tấn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phan Thị T tự nguyện đến với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi ngày 23/4/2001. Năm 2012 gia đình chuyển xuống cư trú tại phường Q, thành phố tỉnh Quảng Ngãi, năm 2015 đến nay chuyển về sống tại phường T, thành phố Quảng Ngãi. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có hai con chung tên Nguyễn Quốc C, sinh năm 26/4/2002 và Nguyễn Quốc D, sinh năm 09/01/2004. Nhưng sau đó lại phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không tìm thấy tiếng nói chung, đời sống chung không thể hòa hợp, quan điểm sống khác nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân không đạt được mục đích, cuộc sống chung không thể kéo dài nên từ tháng 02/2020 đến nay vợ chồng đã

sống ly thân. Nên, yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phan Thị T.

Về con chung: Có hai con chung là Nguyễn Quốc C, sinh ngày 26-4-2002 và Nguyễn Quốc D, sinh ngày 09-01-2004. Tại đơn khởi kiện ông K trình bày: Khi ly hôn ông K yêu cầu giao cháu D cho bà T trực tiếp nuôi, ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Cháu C đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, hiện nay cả cháu C và cháu D đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện ông K trình bày vợ chồng có tài sản chung là căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 11, tờ bản đồ số 8, diện tích 109,8m², địa chỉ: Tổ 5, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Tài sản này hiện đang thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Việt. Khi ly hôn, ông K yêu cầu giao căn nhà gắn liền với thửa đất cho bà T, bà T có nghĩa vụ trả tổng số tiền nợ chung là 375.000.000 đồng và thanh toán lại cho ông K. Nay, ông xin rút toàn bộ yêu cầu về chia tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tại đơn khởi kiện ông trình bày vợ chồng có các khoản nợ và yêu cầu vợ chồng cùng trả nợ: Nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần C -chi nhánh Quảng Ngãi số tiền 210.000.000 đồng; nợ bà Nguyễn Thị N số tiền 35.000.000 đồng và nợ bà Lê Thị Th số tiền 130.000.000 đồng.

Về yêu cầu phản tố của bà Phan Thị T ông trình bày như sau:

1. Đối với yêu cầu chia đôi giá trị tài sản nhà, công trình phụ là tài sản chung của vợ chồng đã bỏ ra xây dựng trên thửa đất số 163, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.539,4m² tại đội 8, thôn B, xã T, huyện Trà Bồng được Ủy ban nhân dân huyện Trà Bồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/12/2014 cho hộ bà Nguyễn Thị H tạm tính là 190.000.000đồng và yêu cầu chia đôi số tiền 50.000.000 đồng là tài sản chung mà ông Nguyễn Tấn K sử dụng để san lấp mặt bằng phần đất lúa trước nhà tại đội 8, thôn B, xã Trà Bình vào năm 2020. Giữa ông và bà T đã tự thỏa thuận và bà T đã rút nội dung yêu cầu này thì ông đồng ý.

2. Đối với yêu cầu chia đôi số tiền 100.000.000 đồng ông K đã khai thác vào năm 2020 và năm 2021 là giá trị của khoảng hơn 1 ha cây keo bà Phan Thị T và ông Nguyễn Tấn K trồng trên thửa đất rẫy của mẹ ông K là bà Nguyễn Thị H vào năm 2014 và năm 2016. Yêu cầu này không Kiên không đồng ý.

Tại đơn phản tố và phản tố bổ sung đề ngày 21/01/2022, 28/02/2022 và các lời khai trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn bà Phan Thị T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà thống nhất với lời trình bày của ông K về quan hệ hôn nhân, về mâu thuẫn vợ chồng, nay ông K yêu cầu ly hôn, bà đồng ý.

- *Về con chung:* Bà thống nhất như trình bày của nguyên đơn

- *Về tài sản chung*: Bà thống nhất như trình bày của nguyên đơn. Nay, ông Kiên xin rút toàn bộ yêu cầu về chia tài sản chung thì bà đồng ý, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời bà có yêu cầu phản tố về phần tài sản chung như sau:

1. Yêu cầu chia đôi giá trị tài sản nhà, công trình phụ là tài sản chung của vợ chồng đã bỏ ra xây dựng trên thửa đất số 163, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.539,4m² tại đội 8, thôn B, xã T, huyện Trà Bồng được Ủy ban nhân dân huyện Trà Bồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/12/2014 cho hộ bà Nguyễn Thị H tạm tính là 190.000.000 đồng và chia đôi số tiền 50.000.000 đồng là tài sản chung mà ông Nguyễn Tấn K sử dụng để san lấp mặt bằng phần đất lúa trước nhà tại đội 8, thôn B, xã T vào năm 2020. Quá trình giải quyết vụ án giữa bà và ông K đã tự thỏa thuận giải quyết, nên bà đã rút một phần đơn khởi kiện với nội dung yêu cầu trên và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Yêu cầu chia đôi số tiền 100.000.000 đồng ông K đã khai thác vào năm 2020 và năm 2021 là giá trị của khoảng hơn 1 ha cây keo bà Phan Thị T và ông Nguyễn Tấn K trồng trên thửa đất rẫy của mẹ ông K là bà Nguyễn Thị vào năm 2014 và năm 2016.

- *Về nợ chung*: Vợ chồng có các khoản trả nợ chung: Nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần C - chi nhánh Quảng Ngãi số tiền 210.000.000 đồng; Nợ bà Nguyễn Thị N số tiền 35.000.000 đồng và nợ bà Lê Thị Th số tiền 160.000.000 đồng và nợ bà Võ Thị H: 200.000.000 đồng.

Theo đơn yêu cầu độc lập đề ngày 21/12/2021 và các lời khai trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại Cổ phần C (sau đây viết tắt là Ngân hàng) yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Tấn K và bà Phan Thị T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C theo hợp đồng tín dụng số 3414/205-HĐTD/NHCT520 ngày 21/10/2015. Tuy nhiên, giữa Ngân hàng, ông K, bà T đã tự thỏa thuận về việc trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn yêu cầu độc lập đề ngày 10/01/2022 và các lời khai trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Th trình bày: Buộc ông K, bà T phải trả cho bà số tiền 160.000.000 đồng. Ngày 13/9/2022, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi nhận được đơn xin rút yêu cầu khởi kiện của bà Th đề ngày 11/9/2022.

Theo đơn yêu cầu độc lập đề ngày 30/12/2021 và các lời khai trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày: Buộc ông K, bà T phải trả cho bà số tiền 35.000.000 đồng. Ngày 16/9/2022, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi nhận được đơn xin rút yêu cầu khởi kiện của bà N đề ngày 06/9/2022.

Theo đơn yêu cầu độc lập đề ngày 10/01/2022 và các lời khai trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H trình bày: Buộc ông K, bà T phải trả cho bà số tiền 200.000.000 đồng. Ngày

23/11/2022, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi nhận được đơn xin rút yêu cầu khởi kiện của bà H đề ngày 23/11/2022.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông bà Nguyễn Tấn Á, Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị Nh đều trình bày liên quan đến yêu cầu phản tố của chị Phan Thị T: Không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà Phan Thị với nội dung yêu cầu chia đôi giá trị tài sản nhà, công trình phụ là tài sản chung của vợ chồng đã bỏ ra xây dựng trên thửa đất số 163, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.539,4m² tại đội 8, thôn B, xã T, huyện Trà Bồng và yêu cầu chia đôi số tiền 100.000.000 đồng ông Kiên đã khai thác vào năm 2020 và năm 2021 là giá trị của khoảng hơn 1 ha cây keo bà Phan Thị T và ông Nguyễn Tấn K trồng trên thửa đất rẫy của mẹ ông K là bà Nguyễn Thị H vào năm 2014 và năm 2016.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc C trình bày: Ngày 21/01/2022 anh có đơn gửi Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết yêu cầu cha mẹ anh là ông Nguyễn Tấn K và bà Phan Thị T phải cấp dưỡng nuôi hai anh em đến khi tốt nghiệp đại học. Sau khi có đơn cha mẹ anh đã thỏa thuận về việc nuôi hai anh em ăn học nên anh có đơn yêu cầu không tham gia tố tụng và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh vì việc ly hôn giữa cha mẹ không liên quan đến anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc D trình bày: Khi cha anh khởi kiện thì anh chưa đủ 18 tuổi, anh trai Nguyễn Quốc C có đơn gửi Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết yêu cầu cha mẹ anh là ông Nguyễn Tấn K và bà Phan Thị T phải cấp dưỡng nuôi hai anh em đến khi tốt nghiệp đại học nhưng chỉ có một mình anh C ký, anh không yêu cầu gì. Hiện nay cha mẹ anh đã có thỏa thuận và cả hai đã tự nguyện cấp dưỡng để nuôi hai anh em học hết đại học. Nên, nên anh có đơn yêu cầu không tham gia tố tụng và có đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh vì việc ly hôn giữa cha mẹ không liên quan đến anh.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định; bị đơn chấp hành chưa đúng quy định. Vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 01/12/2022 không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chấp hành đúng quy định. Riêng bà Th, bà N, anh C, anh D, ông Á chấp hành chưa đúng quy định. Vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 01/12/2022 không có lý do. Anh C, anh D, bà Th vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 15/12/2022 không có lý do

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 5, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 97, Điều 147, Điều 157, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 55, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn K.

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông K và bà T.
- Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn ông K và đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu phân tố của bị đơn bà T.
- Về nợ chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng C, bà Lê Thị Th, bà Nguyễn Thị N, bà Võ Thị H.
- Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Tấn K có đơn khởi kiện về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản, nợ chung khi ly hôn*" đối với bà Phan Thị T có nơi cư trú tại: Tổ 5, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã thụ lý vụ án đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Ngày 21/01/2022, Tòa án nhân dân thành phố nhận được đơn yêu cầu cấp dưỡng của anh Nguyễn Quốc C về việc yêu cầu ông Nguyễn Tấn K cấp dưỡng cho anh Nguyễn Quốc C và anh Nguyễn Quốc D. Thẩm phán đã có thông báo số 18/TB-TA ngày 08/02/2022 yêu cầu anh C sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện nhưng người khởi kiện không sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo yêu cầu của Thẩm phán. Ngày 07/3/2022, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi có thông báo số 24/TB-TA trả lại đơn khởi kiện cho anh Nguyễn Quốc C, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H, bà Nguyễn Thị Nh, anh Nguyễn Quốc C, anh Nguyễn Quốc D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn K:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn K và bà Phan Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi số 08 ngày 23/4/2001 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Tấn K và bà Phan Thị T là hôn nhân hợp pháp.

Ông Nguyễn Tấn K và bà Phan Thị T đều trình bày quá trình chung sống giữa ông K và bà T đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không tìm thấy tiếng nói chung, đời sống chung không thể hòa hợp, quan điểm sống khác nhau, từ tháng 02/2020 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án ông K yêu cầu được ly hôn với bà T và bà T cũng đồng ý. Do đó, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa ông K và bà T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông K và bà T

Về con chung: Có hai con chung là Nguyễn Quốc C, sinh ngày 26-4-2002 và Nguyễn Quốc D, sinh ngày 09-01-2004. Ông C và bà T đều trình bày hiện nay cháu C và cháu D đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ngày 31/8/2022 nguyên đơn ông Nguyễn Tấn K có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất rút phần nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung là căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 11, tờ bản đồ số 8, diện tích 109,8m², địa chỉ: Tổ 5, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, ông K và bà T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn bà Phan Thị T cũng thống nhất với nội dung rút của nguyên đơn. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung của nguyên đơn là tự nguyện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu chia tài sản chung mà nguyên đơn đã rút.

[2.2] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn bà Phan Thị T:

[2.2.1] Ngày 31/8/2022 bị đơn bà Phan Thị T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa bị đơn cũng thống nhất rút phần nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết về nội dung: Yêu cầu chia đôi giá trị tài sản nhà, công trình phụ là tài sản chung của vợ chồng đã bỏ ra xây dựng trên thửa đất số 163, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.539,4m² tại đội 8, thôn B, xã T, huyện Trà Bồng được Ủy ban nhân dân huyện Trà Bồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/12/2014 cho hộ bà Nguyễn Thị H tạm tính là 190.000.000đồng và yêu cầu chia đôi số tiền 50.000.000 đồng là tài sản chung mà ông Nguyễn Tấn K sử dụng để san lấp mặt bằng phần đất lúa trước nhà tại đội 8, thôn B, xã T vào năm 2020. Ông K và bà T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên đơn ông Nguyễn Tấn K cũng thống nhất với nội dung rút của bị đơn. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu phản tố về tài sản chung của bị đơn là tự nguyện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu phản tố mà bị đơn đã rút.

[2.2.2] Đối với yêu cầu chia đôi số tiền 100.000.000 đồng ông K đã khai thác vào năm 2020 và năm 2021 là giá trị của khoảng hơn 1 ha cây keo bà Phan Thị T và ông Nguyễn Tấn K trồng trên thửa đất rẫy của mẹ ông K là bà Nguyễn Thị H vào năm 2014 và năm 2016. Quá trình giải quyết vụ án bà T vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên đến phần tranh luận tại phiên tòa bà T rút yêu cầu đối với phần yêu cầu này. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu phản tố còn lại về tài sản chung của bị đơn là tự nguyện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phần yêu cầu phản tố còn lại mà bị đơn đã rút.

[2.3] Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Thị Th, Nguyễn Thị N, Võ Thị H và Ngân hàng Thương mại Cổ phần C về nợ chung:

[2.3.1] Ngày 13/9/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Th có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Nguyễn Tấn K và bà Phan Thị T trả cho bà Th số tiền 160.000.000 đồng. Xét thấy việc rút toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Th là tự nguyện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện mà bà Th đã rút.

[2.3.2] Ngày 16/9/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Nguyễn Tấn K và bà Phan Thị T trả cho bà N số tiền 35.000.000 đồng. Xét thấy việc rút toàn bộ yêu cầu độc lập của bà N là tự nguyện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện mà bà N đã rút.

[2.3.3] Ngày 23/11/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Nguyễn Tấn K và bà Phan Thị T trả cho bà H số tiền 200.000.000 đồng. Xét thấy việc rút toàn bộ yêu cầu độc lập của bà H là tự nguyện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện mà bà H đã rút.

[2.3.4] Ngày 19/12/2022, Ngân hàng Thương mại Cổ phần C có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc buộc vợ chồng ông Nguyễn Tấn K và bà Phan Thị T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C theo hợp đồng tín dụng số 3414/205-HĐTD/NHCT520 ngày 21/10/2015. Xét thấy việc rút toàn bộ yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C là tự nguyện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện mà Ngân hàng Thương mại Cổ phần C đã rút.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng, chi phí đo đạc 3.000.000 đồng và chi phí thẩm định giá: 1.000.000 đồng. Tổng cộng là 6.000.000 đồng. Ông K và bà T thống nhất ông K chịu 3.500.000 đồng, bà T chịu 2.500.000 đồng. Ông K đã tạm ứng và chi xong. Bà T có trách nhiệm trả cho ông K số tiền 2.500.000 đồng. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của đương sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Về án phí quan hệ hôn nhân: Trước khi mở phiên tòa xét xử ông K và bà T tự nguyện ly hôn nên ông Kiên và bà Thu chỉ phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn (mỗi bên phải chịu 25% mức án phí quy định): Ông K phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, bà T phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân là phù hợp với mục 11 phần IV Văn bản số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải đáp một số vướng mắc trong xét xử.

Về án phí chia tài sản chung:

- Ông Nguyễn Tấn K rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu rút của ông K. Hoàn trả lại cho ông K số tiền tạm ứng án phí đã nộp về yêu cầu tài sản chung.

- Bà Phan Thị T rút toàn bộ yêu cầu phản tố về chia tài sản chung, nên Hội đồng xét xử toàn bộ yêu cầu phản tố đối với yêu cầu rút của bà T. Hoàn trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp về yêu cầu tài sản chung.

Tổng cộng:

- Ông K phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền 24.487.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000237 ngày 19/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, hoàn trả cho ông K số tiền 24.412.000 đồng.

- Bà T phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền 4.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001896 ngày 14/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, hoàn trả cho bà T số tiền 4.175.000 đồng.

Về án phí nợ chung:

- Bà Lê Thị Th thuộc trường hợp miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí

- Bà Nguyễn Thị N có đơn rút toàn bộ yêu cầu độc lập, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu độc lập của bà N. Hoàn trả cho bà N số tiền 875.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000345 ngày 07/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi

- Bà Võ Thị H có đơn rút toàn bộ yêu cầu độc lập, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu độc lập của bà H. Hoàn trả cho bà H số tiền 5.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001897 ngày 14/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần C có đơn rút toàn bộ yêu cầu độc lập, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C số tiền 5.004.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001780 ngày 17/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi

[5] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn K

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Tấn K và bà Phan Thị T.

Về con chung: Có hai con chung là Nguyễn Quốc C, sinh ngày 26-4-2002 và Nguyễn Quốc D, sinh ngày 09-01-2004. Hiện nay cháu C và cháu D đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn K về chia tài sản chung là căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 11, tờ bản đồ số 8, diện tích 109,8m², địa chỉ: Tổ 5, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn về chia tài sản chung là yêu cầu chia đôi giá trị tài sản nhà, công trình phụ là tài sản chung của vợ chồng đã bỏ ra xây dựng trên thửa đất số 163, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.539,4m² tại đội 8, thôn B, xã T, huyện Trà Bồng được Ủy ban nhân huyện Trà Bồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/12/2014 cho hộ bà Nguyễn Thị H tạm tính là 190.000.000đồng và yêu cầu chia đôi số tiền 50.000.000 đồng là tài sản chung mà ông Nguyễn Tấn K sử dụng để san lấp mặt bằng phần đất lúa trước nhà tại đội 8, thôn B, xã T vào năm 2020 và yêu cầu chia đôi số tiền 100.000.000 đồng ông K đã khai thác vào năm 2020 và năm 2021 là giá trị của khoảng hơn 1 ha cây keo bà Phan Thị T và ông Nguyễn Tấn K trồng trên thửa đất rẫy của mẹ ông K là bà Nguyễn Thị H vào năm 2014 và năm 2016.

Về nợ chung:

1. Đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của bà Lê Thị Th về việc buộc ông Nguyễn Tấn K và bà Phan Thị T trả cho bà Th số tiền 160.000.000 đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của bà Nguyễn Thị N về việc buộc ông Nguyễn Tấn K và bà Phan Thị T trả cho bà N số tiền 35.000.000 đồng.

3. Đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của bà Võ Thị H về việc buộc ông Nguyễn Tấn K và bà Phan Thị T trả cho bà H số tiền 200.000.000 đồng.

4. Đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C về việc buộc vợ chồng ông Nguyễn Tấn K và bà Phan Thị T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C theo hợp đồng tín dụng số 3414/205-HĐTD/NHCT520 ngày 21/10/2015.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng, chi phí đo đạc 3.000.000 đồng và chi phí thẩm định giá: 1.000.000 đồng. Tổng cộng là 6.000.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, ông Nguyễn Tấn K chịu 3.500.000 đồng, bà Phan Thị T chịu 2.500.000 đồng. Ông Nguyễn Tấn K đã tạm ứng và chi xong. Bà Phan Thị T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Tấn K số tiền 2.500.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Tấn K phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền 24.487.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000237 ngày 19/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, hoàn trả cho ông Nguyễn Tấn K số tiền 24.412.000 đồng.

- Bà Phan Thị T phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền 4.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001896 ngày 14/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi. Hoàn trả bà Phan Thị T số tiền 4.175.000 đồng.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 875.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000345 ngày 07/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi

- Hoàn trả cho bà Võ Thị H số tiền 5.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001897 ngày 14/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C số tiền 5.004.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001780 ngày 17/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi

Về kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa

có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp.Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- UBND xã T, huyện Trà Bồng, tp Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Như

